

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-4-2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Huỳnh Văn Hoàn.

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 382/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1985. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: số 350, K 2, P5, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp LQ, xã NH, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/11/2021, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị C quen biết rồi tổ chức đám cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Cai Lay (nay là Ủy ban nhân dân Phường 1, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12/2009 quyền số 01, cấp ngày 17/02/2009. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 10/2021, đến nay vợ chồng vẫn không đoàn tụ được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị C;

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh năm 28/7/2010. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Trần Văn T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trần Văn T khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị C, chị C có địa chỉ cư trú tại Ấp LQ, xã NH, huyện CL. Do vậy, căn cứ quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị C kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Cai Lậy (nay là Ủy ban nhân dân Phường 1, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12/2009, ngày 17/02/2009 nên là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh, chị đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo anh T trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc chỉ được thời gian đầu, đến tháng 10 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và tự sống ly thân đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không quan tâm nhau. Riêng đối với chị C, từ khi được Tòa án thông báo về việc anh T ly hôn chị vẫn bỏ mặc và cũng không có ý kiến gì, chứng tỏ chị không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng với anh T nữa. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị C thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho anh, chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh T và chị C có 01 con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh năm 28/7/2010 hiện sống chung với anh T. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu Trúc do anh T nuôi dưỡng ổn định, nguyện vọng của cháu Trúc cũng mong muốn được sống chung với cha nên tiếp tục giao con cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh T không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Anh T là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T. Cho anh Trần Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị C.

2. *Về con chung:* Giao con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh năm 28/7/2010 cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị C được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001477 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như anh T thi hành xong.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND TT Cai Lậy (Nay là UBND phường 1, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang);
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Ngoan

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ.....phút, ngày 13 tháng 4 năm 2022

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Huỳnh Văn Hoàn.

- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 382/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Văn T, sinh năm 1985 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: số 350 K 2, P5, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Long Quới, xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU⁽⁹⁾**

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T. Cho anh Trần Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị C.

2. *Về con chung:* Giao con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh năm 28/7/2010 cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị C được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001477 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như anh T thi hành xong.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 13 tháng 4 năm 2022

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**Thành viên
Hội đồng xét xử⁽¹⁰⁾**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Văn Hoàn

Nguyễn Thị Kim Hạnh

Nguyễn Thành Ngoan